

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*

---



m)

**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: TRƯƠNG QUANG HỌC
- Năm sinh: 15 tháng 01 năm 1945
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH); Năm, nơi cấp bằng:  
TS: 1974, ĐH Tổng hợp Quốc gia Moskva, Lomonosov.  
TSKH: 1996, ĐHTH Wrocław, Cộng hòa Ba Lan.

- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
  - PGS, 1991: Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội
  - GS, 2001: ĐH Quốc gia Hà Nội
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Sinh học (TS), Động vật học (TSKH)
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT, Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà Nội
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, ĐHQG Hà Nội
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): .....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
Từ năm 2009 đến nay (2020)
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): .....

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

- a) Tổng số sách đã chủ biên/đồng tác giả: 21; sách chuyên khảo; 01; giáo trình 03.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).
  1. Trương Quang Học (chủ biên) và nnk, 2020. Sinh thái và xây dựng xã hội sinh thái & bền vững ở Việt Nam. NXB ĐHQG Hà Nội (đã ký hợp đồng xuất bản và nộp bản thảo); 1.150tr. bản thảo.
  2. GEF and SRD (Truong Quang Hoc Editor), 2019. Civil society Organization Towards the National Adaptation Plan on Climate change, UNDP, GEF: 59 pp.

3. VACNE (Nguyễn Danh Sơn chủ biên), 2018. Kinh tế xanh cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu. NXB Chính trị Quốc gia/ Sự thật, (tác giả 2 chương): 667 tr.
4. Nguyễn Song Tùng (chủ biên), 2017. Cơ chế, chính sách liên kết vùng trong ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (viết chung). NXB Chính trị Quốc gia/ Sự thật: 343 tr.
5. Trương Quang Học (chủ biên), 2017. Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững: HỎI – ĐÁP. VIỆT NAM – LUXEMBOURG: 172 tr.
6. Trương Quang Học (chủ biên), 2016. Sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu: Tiêu chí đánh giá và các điển hình. Bộ TN&MT: 119tr.
7. MPI and WB, 2016. VIET NAM - 2035. Publisher Hong Duc: 367 pp (Head of author group for Chapter 4)

## ***2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học***

a) Tổng số đã công bố: khoảng 160 bài báo tạp chí trong nước; 14 bài báo tạp chí quốc tế; 30 bài tiếng Anh

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

### **Trong nước:**

1. Trương Quang Học và Hoàng Thị Ngọc Hà, 2019. Phát triển bền vững đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu theo tiếp cận hệ sinh thái-xã hội. Trong Sách “Việt Nam học: Chặng đường 30 năm”. NXB ĐHQG HN:1239-1261.
2. Trương Quang Học, Hoàng Thị Ngọc Hà và Vũ Thị Bích Hợp, 2019. Các tổ chức xã hội hướng tới Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu, UNDP/GEF SGP. Hà Nội, tháng 6/2019.
3. Trương Quang Học và Hoàng Thị Ngọc Hà, 2018. Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu trong nền kinh tế xanh. Trong sách Môi trường – Các công trình nghiên cứu (Tập 10). Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2018: 227-237
4. Hoàng Thị Ngọc Hà và Trương Quang Học, 2017. Nghiên cứu đánh giá nguồn lực ứng phó với BĐKH của các hệ sinh thái - xã hội ở huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tạp chí IMHEN-MONRE, số 2/2017: 51-59
5. Trương Quang Học, 2016. Một số vấn đề đặt ra cho phát triển bền vững của Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Tạp chí khoa học, ĐHQGHN, Tập 32, Số 1S: 29-41
6. Trương Quang Học và Hoàng Thị Ngọc Hà, 2016. Đẩy mạnh đào tạo và nghiên cứu – ứng dụng hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững đất nước. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ 2 về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học tại Việt Nam, Đà Nẵng. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam, NXB ĐH Quốc gia Việt Nam, 2016: Pp 1353-1365.

7. Trương Quang Học, Hoàng Thị Ngọc Hà và Nguyễn Tiến Trường, 2015. Đánh giá khả năng chống chịu biến đổi khí hậu của hệ sinh thái-xã hội: Lý thuyết và Nghiên cứu điển tại Tp. Hải phòng. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học-công nghệ trong lĩnh vực môi trường (Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV), Hà Nội, 29/9/2015: 85-99.
8. Hoàng Thị Ngọc Hà và Trương Quang Học, 2015. Triển khai sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạp chí Môi trường, Số 3, tr. 52-54.
9. Trương Quang Học và Phạm Hoài Nam, 2015. Hệ sinh thái-xã hội trong phát triển giao thông đường bộ. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Số 23: 18-21.

### **Quốc tế/tiếng Anh:**

1. Trương Quang Học, 2019. The impacts of plastic wastes on marine socio-ecological systems in the context of climate change. Proceedings, The International Conference on Marine Plastic Pollution in Vietnam: Current Situation and Solutions. Hanoi 29 November 2019: Pp 5-20.
2. Trương Quang Học and Hoàng Thị Ngọc Hà, 2019. Study on Scientific and Practical Basis for Developing an Action Plan on Adaptation to Climate change at the District Level in Red River Delta. Proceedings of Hanoi Forum 2018, Vietnam National University Press, ISBN 978694 9864 14-8: Pp 195-202.
3. Trương Quang Học and Hoàng Thị Ngọc Hà, 2019. Ecosystem based adaptation (EbA) to climate change in Red River delta - Case study in Giao Thủy district, Nam Định province. Proceedings of Hanoi Forum 2018, Vietnam National University Press, ISBN 978694 9864 14-8: 299-310
4. Hoàng Thị Ngọc Hà, Leslie Mabon, Trương Quang Học and Natascha Mueller-Hirth, 2020. Ecosystem-based Adaptation to Climate Change in Red River Delta: A case Study in Giao Thủy District, Nam Định Province. Springer Journals - Sustainability Science, UK (Submitted)
5. Hoàng Thị Ngọc Hà and Trương Quang Học, 2015. ECODE and its activities in climate change adaptive livelihoods in Red river delta. Proceedings of the “Vietnam – Japan workshop on estuaries, coasts and rivers 2015, Hoi An, 7-8 September 2015: 311-318
6. Trương Quang Học, 2015. Building interdisciplinary graduate programs for sustainable development in the context of climate change at Vietnam National University, Hanoi. International Conference on innovation management in higher Education in the Context of Globalization. Vietnam National University, Hanoi, November 2015: Vol. 31, No. 4: 43-51.

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 2 cấp Nhà nước; 34 cấp Bộ và tương đương, Đề tài HTQT: 16

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Viện nghiên cứu du lịch, 2019-2020: Đề tài “Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh” (đề tài cấp bộ): chủ trì 2 đề tài nhánh;
2. UNDP 2019-2020: Xây dựng “7 Gói Thông tin rủi ro” phục vụ lồng ghép khí hậu vào quá trình lập kế hoạch địa phương và truyền thông tăng cường nhận thức cộng đồng và các bên liên quan tại 7 tỉnh ven biển: Thành viên tham gia
2. GEF – SRD/ ECODE, 2018-2019: Tiểu dự án: Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình thích ứng với BĐKH; Rà soát và đánh giá các mô hình thích ứng theo Bộ tiêu chí; Biên soạn tài liệu về 1) Bộ Tiêu chí thích ứng; 2) Vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng và thực hiện Kế hoạch Thích ứng quốc gia (NAP) (thuộc Dự án “Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội vào quá trình xây dựng Kế hoạch quốc gia về thích ứng với BĐKH”): Trưởng nhóm chuyên gia ECODE.
3. MCD - AMDI / ECODE, 2016-2017: “Dự án READY “Tăng cường năng lực cho thanh niên trong ứng phó với BĐKH tại đồng ĐBSH”: i) Nhánh: Đánh giá tác động của BĐKH tới hệ sinh thái – xã hội vùng ven biển ĐB sông Hồng và đề xuất các giải pháp thích ứng dựa trên HST; và ii) Nhánh: Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động thích ứng: Trưởng nhóm chuyên gia ECODE (đề tài HTQT).
4. UBND tỉnh Nghệ An/ ECODE, 2017-2018: Đề tài “Xây dựng chiến lược quản lý bền vững cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới miền Tây Nghệ An giai đoạn 2018 – 2027 và Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An”. Thành viên tham gia
5. PROCERD (ISSC<sup>1</sup>) / ECODE, 2016 – 2019: Nghiên cứu "Học tập chuyển đổi trong thời đại biến đổi khí hậu: Nghiên cứu điển hình ở Việt Nam. khu vực TP Cần Thơ. Trưởng nhóm nghiên cứu (đề tài HTQT).
6. Trường ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội 2012-2015. Đề tài Nghiên cứu mô hình quản lý chuẩn cung ứng xanh hướng tới tăng trưởng xanh”. Nhiệm vụ KH-CN sử dụng ngân sách nhà nước (Quỹ Phát triển KH-CN quốc gia, 2012-2015, Chủ nhiệm: PGS TS. Vũ Anh Dũng): chủ trì đề tài nhánh.
7. Viện Địa lý Nhân văn, VHL KHXH VN, 2012-2015: Đề tài Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách liên kết vùng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam”. Đề tài cấp nhà nước 2012-2015 (chủ nhiệm: PGS Nguyễn Song Tùng). Chủ nhiệm đề tài nhánh: Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng khung phân tích cơ chế, chính sách liên kết vùng trong ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

#### **2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: ..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: ..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu

---

<sup>1</sup> ISSC: Hội đồng Khoa học Xã hội Quốc tế

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

.....

## **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 9 /14 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*): 4

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Đề tài LA</b>	<b>Hướng dẫn</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Cơ sở đào tạo</b>
1	Phạm Hoài Nam	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của tuyến đường tuần tra biên giới tới hệ sinh thái – xã hội ở khu vực Tây Nguyên	Chính	2012-2015	Trung tâm NC Tài nguyên và Môi trường (CRES), ĐHQG Hà Nội
2	Hoàng Hồng Hạnh	Nghiên cứu phát triển doanh nghiệp sản xuất bia theo hướng tăng trưởng xanh trên địa bàn thành phố Hà Nội	Chính	2014-2017	Trung tâm NC Tài nguyên và Môi trường (CRES), ĐHQG Hà Nội
3	Phạm Thị Bích Ngọc	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Chính	2015-2018-2020	Viện Tài nguyên và Môi trường (CRES), ĐHQG Hà Nội
4	Ngô Hải Ninh	Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ninh	Chính	2014-2017	Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. ĐHQG Hà Nội

### 3. Các thông tin khác

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

.....

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**

.....

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

.....

#### 3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Nga, tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: chấp nhận

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

**Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2020**

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trương Quang Học**